

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HẢI LĂNG  
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/HNGĐ- ST

Ngày 26/01/2021

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI LĂNG, TỈNH QUẢNG TRỊ**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Đức Hoan.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Xuân Nam và Bà Lê Thị Thu Hòa.

*Thư ký phiên tòa:* Ông Trần Ánh Phương, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa:*** Ông Phạm Tiên Quân - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở TAND huyện h, tỉnh Quảng Trị tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số:124/2020/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:02/2021/QĐXX-ST ngày 08 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:*** Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1970; địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

***Bị đơn:*** Anh Nguyễn Hiệp, sinh năm 1968; địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 07/12/2020 và biên bản hòa giải ngày 17/12/2020 cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn H cưới nhau vào năm 1994 và sống với nhau từ đó cho đến nay tại xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị nhưng không đăng ký kết hôn và chung sống với nhau như vợ chồng. Trong quá trình chung sống giữa chị và anh H thường phát sinh nhiều mâu thuẫn, do anh H hay uống rượu chè về đánh đập chị. Hiện nay, cuộc sống chung của chị và anh H mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị Nguyễn Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với anh Nguyễn H.

- Về con chung: Có 03 cháu, Nguyễn Thị Việt H, sinh năm 1995; Nguyễn Hữu H, sinh năm 1996 và Nguyễn Trường Ph, sinh ngày 14/02/2009. Chị T có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Ph và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con. Các cháu H và H hiện nay đã thành niên và có khả năng lao động nên chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

*Tại bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 17/12/2020, cũng như tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn H trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị T cưới nhau vào năm 1994 và chung sống với nhau từ đó cho đến nay tại xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị nhưng không đăng ký kết hôn. Anh và chị T cũng có xảy ra mâu thuẫn trong chuyện tình cảm, anh H mong muốn chị T về ở lại với anh để nuôi dạy con cái.

- Về con chung: Có 03 cháu, Nguyễn Thị Việt H, sinh năm 1995; Nguyễn Hữu H, sinh năm 1996 và Nguyễn Trường Ph, sinh ngày 14/02/2009. Anh đồng ý giao cháu Ph cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và anh H cấp dưỡng nuôi cháu Ph mỗi tháng 1.000.000 đồng. Các cháu H và H hiện nay đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Trị phát biểu ý kiến:***

Về thủ tục tố tụng: Trong thời gian chuẩn bị xét xử sơ thẩm, Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại các Điều 28, 35, 39, 68, 96, 97, 175, 177, 195, 196, 203, 220 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T và bị đơn anh Nguyễn H đã thực hiện đầy đủ các thủ tục được quy định tại các Điều 70, 71, 72, 227, 234 của Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị.

Áp dụng khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53, 58, Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBNTQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn H.

- Về con chung: Các cháu H và H đã thành niên và có khả năng lao động nên không xem xét giải quyết. Giao cháu Ph cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và anh H cấp dưỡng nuôi cháu Ph mỗi tháng 1.000.000 đồng

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Sau khi xem xét yêu cầu của nguyên đơn về việc giải quyết về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 và khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự thì yêu cầu giải quyết của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Trị.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện H đã cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho các đương sự và các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định của pháp luật.

[3]. Về nội dung vụ án: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn H thừa nhận, giữa chị và anh cưới nhau vào năm 1994 và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1994 cho đến nay tại thôn Ph, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị nhưng không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống với nhau giữa chị và anh H cũng hay xảy ra mâu thuẫn không thể khắc phục được, chị yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh Nguyễn H, còn anh H mong muốn hai bên về ở lại với nhau để nuôi dạy con cái.

Ngày 08/12/2020 UBND xã H xác nhận: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn H có hộ khẩu thường trú tại thôn Ph, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị. Từ năm 1994 cho đến nay chị T và anh H chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị và có 03 con chung; anh H hay uống rượu về gây gổ vợ con.

Hiện nay, cuộc sống chung giữa chị và anh phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể khắc phục, chị Nguyễn Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với anh Nguyễn H là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[4]. Về con chung: Có 03 cháu, Nguyễn Thị Việt H, sinh năm 1995; Nguyễn Hữu H, sinh năm 1996 và Nguyễn Trường Ph, sinh ngày 14/02/2009. Các bên đã thỏa thuận giao cháu Ph cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và anh H cấp dưỡng nuôi cháu Ph mỗi tháng 1.000.000 đồng, cháu Ph cũng có ý kiến được ở với chị T nên cần chấp nhận.

Các cháu H và H hiện nay đã thành niên và có khả năng lao động nên không xem xét giải quyết.

[5]. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6]. Về án phí: Áp dụng Điều 147 BLTTDS và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBNTQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 35 và Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBNTQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, xử;

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn H.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trường Ph, sinh ngày 14/02/2009 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và anh H cấp dưỡng nuôi cháu Ph mỗi tháng 1.000.000 đồng, kể từ tháng 02/2021 cho đến khi cháu Ph thành niên và có khả năng lao động. Các cháu Nguyễn Thị Việt H, sinh năm 1995; Nguyễn Hữu H, sinh năm 1996, hiện nay đã thành niên và có khả năng lao động nên không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp **300.000** đồng tại biên lai thu tiền số 0002259 ngày 14/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H. Chị Nguyễn Thị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm. Anh Nguyễn H phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn H có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND huyện H;
- Các đương sự;
- Chi cục THA dân sự H;
- UBND xã H;
- Lưu hồ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

## **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Đức Hoan**

Chị Nguyễn Thị Hiệp có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn Dinh có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Dư Chánh- Phan Thị Huệ**

**Nguyễn Đức Hoan**

